

**THÔNG BÁO XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2025**  
(Kèm theo Báo cáo số: 43/BC-UBND ngày 27/3/2026 của UBND xã Trung Chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ năm trước năm quyết toán				Kế hoạch các năm trước được chuyển sang năm 2025	Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm 2025					Kế hoạch năm 2025	Giải ngân vốn kế hoạch năm 2025					Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 4)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm 2025	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (hủy dự toán)	
	Tổng số	Trong đó:		Số vốn tạm ứng nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau		Vốn kế hoạch hủy bỏ	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau						Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ
		Số vốn tạm ứng nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2025																			
	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18	19=4+8+14	20=(3+4-5)+9+15	21=10+16	22=11+17		
<b>TỔNG SỐ</b>										111.889.155.291	111.889.155.291	104.662.467.978	7.226.687.313	0	0	0	104.662.467.978	7.226.687.313	0	0		
<b>Vốn trong nước</b>										111.889.155.291	111.889.155.291	104.662.467.978	7.226.687.313	0	0	0	104.662.467.978	7.226.687.313	0	0		
<b>Vốn nước ngoài, trong đó:</b>																						
- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
<b>I Vốn cấp qua Kho bạc Nhà nước (bao gồm cả vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao; không bao gồm Chương trình mục tiêu Quốc gia):</b>										111.889.155.291	111.889.155.291	104.662.467.978	7.226.687.313	0	0	0	104.662.467.978	7.226.687.313	0	0		
<b>1 Lĩnh vực giáo dục (070)</b>										35.850.869.052	35.850.869.052	34.338.203.739	1.512.665.313	0	0	0	34.338.203.739	1.512.665.313	0	0		
<i>Vốn trong nước</i>										35.850.869.052	35.850.869.052	34.338.203.739	1.512.665.313	0	0	0	34.338.203.739	1.512.665.313	0	0		
<i>Vốn nước ngoài</i>																						
1.1 7725939 - Trường Mầm non xã Trung Chính, HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (04 phòng học và 04 phòng HCQT)										764.771.000	764.771.000	764.771.000			0		764.771.000	0	0	0		
1.2 7827589- Trường MN Trung Chính (GD 2), HM: Nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ										806.556.000	806.556.000	806.556.000			0		806.556.000	0	0	0		
1.3 8016533-Sửa chữa, cải tạo Trường Mầm non Trung Chính, HM: Sân, công, tường rào, nhà xe, thoát nước, bồn cây, cây xanh										41.374.000	41.374.000	41.374.000			0		41.374.000	0	0	0		
1.4 7764419-Trường THCS Trung Chính, HM: Nhà lớp học bộ môn.										262.711.000	262.711.000	262.711.000			0		262.711.000	0	0	0		
1.5 7699222-Trường tiểu học Phú Lương, HM: Công trình phụ trợ										92.986.000	92.986.000	92.986.000			0		92.986.000	0	0	0		
1.6 7578200-Trường tiểu học Phú Lương, HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng.										94.517.000	94.517.000	94.517.000			0		94.517.000	0	0	0		
1.7 7756300-Trường MN Phú Lương, HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng.										592.912.000	592.912.000	592.912.000			0		592.912.000	0	0	0		
1.8 7756299-Trường MN Phú Lương, HM: Nhà hiệu bộ và các HMPT										654.834.000	654.834.000	654.834.000			0		654.834.000	0	0	0		
1.9 7744451-Trường THCS Phú Lương, HM: Nhà lớp học 12 phòng.										272.418.000	272.418.000	272.418.000			0		272.418.000	0	0	0		
1.10 7525388-Trường MN tập trung số 2 xã Minh Tân										314.316.000	314.316.000	314.316.000			0		314.316.000	0	0	0		
1.11 7688040-Trường THCS Minh Tân										33.795.000	33.795.000	33.795.000			0		33.795.000	0	0	0		
1.12 8143443-Trường Tiểu học Phú Lương, HM: Nhà đa năng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ										8.543.479.041	8.543.479.041	8.543.479.041			0		8.543.479.041	0	0	0		
1.13 8129454-Trường THCS Trung Chính, HM: Xây mới nhà hiệu bộ, nhà đa năng, sửa chữa nhà lớp học, rãnh thoát nước										16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000			0		16.000.000.000	0	0	0		
1.14 8016532-Dịch chuyển đường dây 35Kv, TBA Nhát Trai 2, 250kVA-35/0,4kV và đường dây cáp quang, đường dây 0,4kV (vị trí trường Tiểu học Minh Tân), xã Trung Chính.										76.015.000	76.015.000	76.015.000			0		76.015.000			0		

	Nội dung	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ năm trước năm quyết toán			Kế hoạch các năm trước được chuyển sang năm 2025	Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm 2025					Kế hoạch năm 2025	Giải ngân vốn kế hoạch năm 2025					Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 4)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm 2025	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chuyển sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Tổng số vốn kế hoạch còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (hủy dự toán)
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Vốn kế hoạch hủy bỏ		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ					
			Số vốn tạm ứng nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm																	
1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6-7-10	12	13=14+15	14	15	16	17=12-13-16	18	19=4+8+14	20=(3-4-5)+9+15	21=10+16	22=11+17
1.15	8137321-Trường THCS Quang Minh. HM: Xây mới nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ										7.300.185.011	7.300.185.011	5.787.519.698	1.512.665.313		0		5.787.519.698	1.512.665.313	0	0
2	<b>Các hoạt động kinh tế (280)</b>										<b>71.151.209.239</b>	<b>71.151.209.239</b>	<b>68.437.187.239</b>	<b>2.714.022.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>68.437.187.239</b>	<b>2.714.022.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<i>Vốn trong nước</i>										71.151.209.239	71.151.209.239	68.437.187.239	2.714.022.000	0	0	0	68.437.187.239	2.714.022.000	0	0
	<i>Vốn nước ngoài</i>																				
	<b>Lĩnh vực giao thông đường bộ (292)</b>										<b>51.642.377.239</b>	<b>51.642.377.239</b>	<b>48.928.355.239</b>	<b>2.714.022.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>48.928.355.239</b>	<b>2.714.022.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	8044709-Mở rộng đường GTNT thôn Lai Đông 1, xã Trung Chính ( đoạn thôn Nghĩa La đi ĐT 284). HM: Nền, mặt đường và công trình trên tuyến										730.673.000	730.673.000	730.673.000		0		730.673.000	0	0	0	
2.2	7994914-Đường GTNT thôn Tuấn La, xã Trung Chính ( GTNT khu dân cư mới ). HM: Nền, mặt đường và công trình trên tuyến										380.135.110	380.135.110	380.135.110		0		380.135.110	0	0	0	
2.3	8059424-Mở rộng đường GTNT đoạn từ thôn Ấp Ngoại đi thôn Thiên Phúc. HM: Nền, mặt đường và công trình trên tuyến										959.395.000	959.395.000	959.395.000		0		959.395.000	0	0	0	
2.4	7583707-Các tuyến đường thôn Nhất Trai, Thận, Đạm, Hương Trai, An Cường										122.959.000	122.959.000	122.959.000		0		122.959.000	0	0	0	
2.5	8059575-Công trình Mở rộng đường GTNT đoạn từ thôn Thận Trai đi thôn An Cường										1.988.000.000	1.988.000.000	1.988.000.000		0		1.988.000.000	0	0	0	
2.6	8110462-Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hương Trai. HM: nền, mặt đường và công trình trên tuyến										4.115.071.129	4.115.071.129	4.115.071.129		0		4.115.071.129	0	0	0	
2.7	8143444-Mở rộng mặt đường đoạn từ Trường học đi thôn Thọ Ninh										1.128.418.000	1.128.418.000	1.128.418.000		0		1.128.418.000	0	0	0	
2.8	8149948-Cải tạo, thảm mặt đường BTN Asphalt đường GTNT thôn Lương Xá										5.020.575.000	5.020.575.000	5.020.575.000		0		5.020.575.000	0	0	0	
2.9	8143704-Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Đào Xá, xã Trung Chính										13.711.177.000	13.711.177.000	13.711.177.000		0		13.711.177.000	0	0	0	
2.10	8154607-Đường giao thông trục chính nông thôn thôn Thọ Ninh										4.889.647.000	4.889.647.000	4.889.647.000		0		4.889.647.000	0	0	0	
2.11	8170096-Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lai Đông 1, xã Trung Chính ( Đoạn từ nhà Văn hóa đi thôn Tuấn La)										1.156.327.000	1.156.327.000	1.156.327.000		0		1.156.327.000	0	0	0	
2.12	8143446-Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đường GTNT (thôn ĐạmTrai, thôn AC đi thôn Đăng Triều)										14.440.000.000	14.440.000.000	14.440.000.000		0		14.440.000.000	0	0	0	
2.13	8168531-Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bích Khê, xã Trung Chính. Hạng mục: Nền mặt đường, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng										3.000.000.000	3.000.000.000	285.978.000	2.714.022.000	0	0		285.978.000	2.714.022.000	0	0
3	<b>Lĩnh vực trạm y tế (132)</b>										<b>437.905.000</b>	<b>437.905.000</b>	<b>437.905.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>437.905.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1	7477267-Trạm y tế xã Phú Lương										437.905.000	437.905.000	437.905.000		0		437.905.000	0	0	0	
4	<b>Lĩnh vực Nhà văn hóa (161)</b>										<b>19.070.927.000</b>	<b>19.070.927.000</b>	<b>19.070.927.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19.070.927.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	7548270-Nhà văn hóa thôn Lang Dương										248.436.000	248.436.000	248.436.000		0		248.436.000	0	0	0	
	8042582-Nhà văn hóa thôn Phú Lâu										1.751.148.000	1.751.148.000	1.751.148.000		0		1.751.148.000	0	0	0	
	8084155-Nhà văn hóa thôn Phú Lâu. HM: Phụ trợ nhà văn hóa										1.089.514.000	1.089.514.000	1.089.514.000		0		1.089.514.000	0	0	0	
	8133949-Nhà văn hóa thôn Lai Đông 1										8.331.829.000	8.331.829.000	8.331.829.000		0		8.331.829.000	0	0	0	
	8147842-Nhà văn hóa thôn Bích Khê. HM: Xây mới nhà văn hóa và các HMPT										7.650.000.000	7.650.000.000	7.650.000.000		0		7.650.000.000	0	0	0	
5	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>										<b>1.887.077.000</b>	<b>1.887.077.000</b>	<b>1.887.077.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.887.077.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<i>Vốn trong nước</i>										1.887.077.000	1.887.077.000	1.887.077.000		0	0	0	1.887.077.000	0	0	0
	<i>Vốn nước ngoài</i>																	0	0	0	0
	7500963-Hội trường UBND xã Phú Lương										480.648.000	480.648.000	480.648.000		0		480.648.000	0	0	0	

